TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **212**/2025/HS-ST
Ngày: 14-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Anh Dũng.

Bà Trần Thị Hồng Ngọc.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 755/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Không), sinh năm 1989, tại An Giang. Nơi đăng ký thường trú: 180, tổ G, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: 66A lô A, khu phố B, phường B, TP ., tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa Hảo. Giới tính: Nam, Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Nguyễn Văn D (đã chết). Họ tên mẹ: Trần Thị Như T, sinh năm 1960. Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 02. Họ và tên vợ (đã ly hôn): Ngô Thị Kim L, sinh năm 1989 và có 01 người con sinh năm 2013. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 30/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

2/ Nguyễn Ngọc M (tên gọi khác: Không), sinh năm 1992, tại TP .. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: 71/8, khu phố F, phường T, Quận A, TP .. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Trình độ học vấn: Lớp 6/12. Nghề nghiệp: Không. Họ tên cha: Nguyễn Văn Q (đã chết). Họ tên mẹ: Võ Thị Ngọc L1, sinh năm 1968. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu. Họ và tên vợ (đã ly hôn): Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1994 và có 01 người con sinh năm 2016. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 12/8/2024 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số

527/LB-CSKT ngày 12/8/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T. Hiện tại, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T trong một vụ án khác.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Bị hại: Công ty T2.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng F, G, E L, phường L, quận H, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T1 – Chức vụ: Trưởng bộ phận pháp chế Phòng Pháp chế tuân thủ (Văn bản ủy quyền số 0663/2024/CV-SHB FC ngày 04/11/2024).

Địa chỉ: F H, phường H, quận H, TP ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty TNHH T3.

Địa chỉ: 1 N, Phường A, quận T, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Ngọc Như Q1 – Giám đốc.

Địa chỉ: 4 Đường A, phường B, quận B, TP ..

2/ Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp P, xã P (nay là xã P), huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

4/ Bà Phan Thị K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: B ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Tạm trú: Số D Đường số A, khu phố N, phường D, TP ., tỉnh Bình Dương.

(Bị cáo V có mặt; bị cáo M có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn V và Nguyễn Ngọc M là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội, cùng thuê nhà trọ ở tại địa chỉ khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Vào ngày 23/7/2024, thông qua nhóm "TRAO ĐỔI HỒ SƠ, CTV TÀI CHÍNH" của ứng dụng Zalo, V biết anh Nguyễn Ngọc P (sinh năm 2003, ngụ tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai) có nhu cầu vay tiền nên V nảy sinh ý định sử dụng thông tin cá nhân của anh P làm hồ sơ vay tín chấp qua phần mềm trực tuyến (App) nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty T4 (tên gọi khác là Công ty

T2), (sau đây viết tắt là Công ty T4). Sau đó, V rủ M cùng thực hiện thì M đồng ý. Cùng ngày, V sử dụng tài khoản Zalo tên "G" nhắn tin cho anh P tự giới thiệu là nhân viên Công ty T4 hẹn gặp anh P để tư vấn và hỗ trợ làm hồ sơ vay tiền thì được anh P đồng ý.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 24/7/2024, V và M gặp anh P tại quán cà phê tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, V và M đều tự giới thiệu là nhân viên của Công ty T4, do tin tưởng nên anh P đồng ý làm hồ sơ vay tiêu dùng bằng hình thức trả góp với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và cung cấp các thông tin cá nhân của mình cho anh V, còn M sử dụng điện thoại chụp ảnh 02 mặt căn cước công dân và chân dung của anh P. Sau đó, V dùng các thông tin của anh P đăng ký tạo tài khoản online số "1023984966" của Ngân hàng TMCP T2 (T4) mang tên "Nguyễn Ngọc P" nhưng do M là người nắm mật khẩu, quản lý và sử dụng. Tiếp theo, V sử dụng số điện thoại "0909619471" đăng ký mở tài khoản Zalo có tên là "P 0909619471" và dùng tài khoản Zalo này liên hệ với anh Trương Thành N (sinh năm 2004, ngụ tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang) là nhân viên Công ty TNHH T5 (là Công ty liên kết để tìm kiếm khách hàng có nhu cầu vay tiền cho Công ty T4) để gửi các thông tin của anh P cho anh N để thẩm định hồ sơ vay. Sau đó, V tải ứng dụng T4 (App online) của Công ty T4 và tiếp tục sử dụng tên và các thông tin của anh P để xác lập và ký hợp đồng vay tín dụng; còn M giả danh làm người thân của anh P để trả lời các câu hỏi của nhân viên thẩm định tài chính qua số điện thoại (V và M đã cung cấp trong hồ sơ trước đó). Đến ngày 25/7/2024, sau khi hồ sơ vay mang tên anh P được Công ty T4 duyệt và giải ngân số tiền 19.998.900đ (Mười chín triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn chín trăm đồng), (sau khi đã trừ trực tiếp tiền dịch vụ 1.100 đồng) vào số tài khoản "1023984966" mang tên "Nguyễn Ngọc P" do M đang quản lý. Sau khi biết số tiền vay đã được giải ngân vào tài khoản, M đã sử dụng App trên điện thoại chuyển toàn bộ số tiền trong tài khoản mang tên anh P sang số tài khoản "0461003945701" của V mở tại Ngân hàng V1. Sau đó, V đi đến trụ ATM của Ngân hàng V1 (Địa chỉ: Khu dân cư D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương) rút lấy hết số tiền trên và chia cho M số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), số tiền còn lại Vàng giữ và sử dụng. Sau khi thực hiện hành vi trên, V nhắn tin cho anh P giả vờ thông báo nội dung hồ sơ vay của anh P không được duyệt.

Đến ngày 20/8/2024, khi được nhân viên Công ty T4 gọi điện thoại nhắc đóng tiền lãi cho khoản vay trên thì anh P mới biết được hành vi trên của V và M. Đến ngày 29/8/2024, anh P cùng một số nhân viên của Công ty T4 giả làm khách hàng có nhu cầu vay tiền, liên hệ và hẹn gặp V tại quán cà phê gần khu vực ngã tư Vũng Tàu thuộc phường L, thành phố B để được tư vấn. Khi V đến

điểm hẹn thì bị anh P giữ lại, trình báo Công an phường L lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để xử lý. Ngày 06/9/2024 và 04/11/2024, V và M đã bị khởi tố để điều tra, xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 12F 5G, số imel: 867650077537417 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh, số ime1: 860163044631930 là phương tiện bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 sim số "0909619471" của bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội. Sau khi sử dụng bị cáo đã vứt bỏ không xác định địa điểm nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5s (Số I: 865222040694915) và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 67L1-976.71, tạm giữ của bị cáo V: Kết quả xác minh, chiếc điện thoại trên là tài sản cá nhân của bị cáo V, không sử dụng vào việc phạm tội và chiếc xe có nguồn gốc do bà Ngô Thị Kim L (sinh năm 1989, ngụ ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang) đứng tên chủ sở hữu, bà L cho bị cáo V mượn và không biết chiếc xe được sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại điện thoại cho bị cáo V và trả lại chiếc xe cho bà L.

- 01 chiếc điện thoại di động (không rõ nhãn hiệu) của bị cáo M sử dụng trong qúa trình thực hiện hành vi phạm tội, sau đó bị cáo M đã bán cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 chiếc USB bên trong chứa hình ảnh ghi nhận được hành vi phạm tội của bị cáo V, thu được tại trụ ATM của Ngân hàng V1 chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương. Lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là Công ty T4 đã được các bị cáo V và M bồi thường đủ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thông qua Công ty TNHH T5. Cụ thể: vào ngày 09/10/2024 bị cáo V đã nhờ bà Ngô Thị Kim L (sinh năm 1989, ngụ tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, là vợ cũ của bị cáo V) bồi thường số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và 23/11/2024, bị cáo M đã nhờ bà Phan Thị K (sinh năm 1989, ngụ tại B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang, là bạn của bị cáo M) bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và không có yêu cầu khác.

- Công ty TNHH T5, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKSBH-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn

V, Nguyễn Ngọc M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Ngọc M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 12 đến 14 tháng tù đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M từ 12 đến 14 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 12F 5G, số imel: 867650077537417 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh, số ime1: 860163044631930 là phương tiện bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội.

Bị cáo không phát biểu bào chữa bổ sung gì thêm và cũng không yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu khác ngoài những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án ra xem xét tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Trong quá trình điều tra, truy tố thì Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cũng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo Nguyễn Ngọc M, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo M có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo M đề nghị xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự; sự vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự; đồng thời, tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo M,

bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo M, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo:

Để có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ ngày 23/7/2024 đến ngày 25/7/2024, tại các địa điểm thuộc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; phường B, thành phố T và phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn V và Nguyễn Ngọc M đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối sử dụng thông tin cá nhân, hình ảnh của ông Nguyễn Ngọc P để lập hồ sơ vay và tài khoản online mang tên ông Nguyễn Ngọc P, chiếm đoạt số tiền vay được giải ngân là 19.998.900 đồng (Mười chín triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm đồng) của Công ty T2 thì bị phát hiện, bắt giữ tại khu vực thuộc phường L, thành phố B và chuyển khởi tố, điều tra xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo V đã khai nhận hành vi thực hiện tội phạm của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác được thể hiện tại hồ sơ vụ án; phù hợp với những nội dung mà bản Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố.

Bị cáo M có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai của bị cáo M trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo V tại phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ khác được thể hiện tại hồ sơ vụ án; phù hợp với những nội dung mà bản Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố.

Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Ngọc M đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ việc thực hiện hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần phải xử lý nghiêm các bị cáo, xem xét cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn V là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Ngọc M là đồng phạm, giữ vai trò giúp sức, tạo điều kiện để bị cáo Nguyễn Văn V thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Ngọc P.

Do đó bị cáo Nguyễn Văn V có vai trò vừa là người chủ mưu, vừa là người thực hành tích cực về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo là người giữ vai trò chính, vì vậy hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Nguyễn Ngọc M.

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 12F 5G, số imel: 867650077537417 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh, số ime1: 860163044631930 là phương tiện bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 sim số "0909619471" của bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội. Sau khi sử dụng bị cáo đã vứt bỏ không xác định địa điểm nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5s (Số I: 865222040694915) và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 67L1-976.71, tạm giữ của bị cáo V: Kết quả xác minh, chiếc điện thoại trên là tài sản cá nhân của bị cáo V, không sử dụng vào việc phạm tội và chiếc xe có nguồn gốc do bà Ngô Thị Kim L (sinh năm 1989, ngụ ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang) đứng tên chủ sở hữu, bà L cho bị cáo V mượn và không biết chiếc xe được sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại điện thoại cho bị cáo V và trả lại chiếc xe cho bà L là đúng quy định.

- 01 chiếc điện thoại di động (không rõ nhãn hiệu) của bị cáo M sử dụng trong qúa trình thực hiện hành vi phạm tội, sau đó bị cáo M đã bán cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án các đồ vật, tài liệu: 01 chiếc USB bên trong chứa hình ảnh ghi nhận được hành vi phạm tội của bị cáo V, thu được tại trụ ATM của Ngân hàng V1 chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[8] Về dân sự:

- Bị hại là Công ty T4 đã được các bị cáo V và M bồi thường đủ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thông qua Công ty TNHH T5 và không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

- Công ty TNHH T5, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về tiền án phí: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2024.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc M 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 12F 5G, số imel: 867650077537417, đã qua sử dụng (máy hoạt động, không hư hỏng gì) và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh, số ime1: 860163044631930, đã qua sử dụng (bị hư hỏng mặt sau ốp điện thoại, nứt màn hình trước điện thoại, máy hoạt động). Tất cả đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy.

(Theo Biên bản Giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T với Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa)

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án các đồ vật, tài liệu: 01 chiếc USB bên trong chứa hình ảnh ghi nhận được hành vi phạm tội của bị cáo V, thu được tại trụ ATM của Ngân hàng V1 chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Ngọc M mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị cáo Nguyễn Ngọc M, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Trần Ngọc Phương Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán**